

Bản án số: 162/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03-12-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trọn;
- Bà Phan Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt Quang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đàm Văn D, sinh năm 1973. “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Ngọc D1, sinh năm 1979. “vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Đàm Văn D đã khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Ngọc D1 trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Ông và bà D1 chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng

quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình nên thường xuyên gây gổ. Ông và bà D1 ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Xét thấy ông và bà D1 ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu ly hôn đối với bà Đỗ Thị Ngọc D1.

Về con chung: Ông và bà D1 có hai con chung tên và bà D1 có hai con chung tên Đàm Thị Thúy D2, sinh ngày 12/10/1996 và Đàm Cao T, sinh ngày 08/02/1999; hiện tại các con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà D1 không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết ông bà không có nợ chung ai.

Bị đơn – bà Đỗ Thị Ngọc D1 đã khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như lời trình bày của ông D. Bà nhận thấy ông bà ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng nên bà đồng ý ly hôn đối với yêu cầu của ông Đàm Văn D.

Về con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Đàm Thị Thúy D2, sinh ngày 12/10/1996 và Đàm Cao T, sinh ngày 08/02/1999; hiện tại các con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông D không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết ông bà không có nợ chung ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà D1; về con chung: đã thành niên, tự lao động nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Đàm Văn D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị Ngọc D1, bà D1 có địa chỉ tại huyện G, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông D và bà D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Ông Đàm Văn D và bà Đỗ Thị Ngọc D1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9 và 14 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà D1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông D và bà D1 thống nhất có hai con chung tên Đàm Thị Thúy D2, sinh ngày 12/10/1996 và Đàm Cao T, sinh ngày 08/02/1999. Chị D2, anh T đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà D1 trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Đàm Văn D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đỗ Thị Ngọc D1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đàm Văn D và bà Đỗ Thị Ngọc D1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông D và bà D1 thống nhất có hai con chung tên Đàm Thị Thúy D2, sinh ngày 12/10/1996 và Đàm Cao T, sinh ngày 08/02/1999. Chị D2, anh T đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà D1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đàm Văn D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000852 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Đỗ Thị Ngọc D1 không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Thạnh;
- UBND xã Thanh Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Danh